

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 01 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

2. Ông Vũ Xuân Miện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019, đối với:

Các Bị cáo:

1. Ngô Trí D, sinh năm 1988, tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. HKTT: Phường 4, TP. TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Trí D và bà Bùi Thu H; vợ: Lê Thị Thanh T và có 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 05/2009/HSPT ngày 12/01/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/9/2018. (có mặt)

2. Đồng Mạnh K, sinh năm 1991, tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. HKTT:, Phường 1, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Đồng Mỹ P và mẹ: Lê Thị Thu V; vợ, con: không có; tiền án: tại bản án số 242/2010/HSST ngày 30/12/2010, TAND TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/8/2016; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/9/2018. (có mặt)

3. Nguyễn Thành N, sinh năm 1991, tại TP. Hồ Chí Minh. HKTT: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T H; vợ, con: không có; tiền án: tại bản án số 44/2015 ngày 13/8/2015, TAND huyện N, TP. Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 năm tù về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 03 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/10/2017; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/9/2018. (có mặt)

Bị hại: Công Lâm Thanh Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Phường 12, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người có Q lợi và N vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1974. Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Đồng Mỹ P, sinh năm 1965. Địa chỉ: Phường 1, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 27/7/2018, tại khách sạn B, địa chỉ: 298 NAN, Phường 7, TP. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng, Ngô Trí D rủ Đồng Mạnh K đi cướp tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài, được K đồng ý. Sau đó, cả hai về nhà D tại Phường 4, TP. V để lấy hung khí. Tại đây, D và K xuống nhà bếp, D lấy một chiếc búa giấu vào trong người, còn K lấy 01 con dao loại dao Thái Lan giấu vào chiếc túi xách mang trên vai. Sau khi chuẩn bị hung khí, K điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển số 72K5-53XX chở D đảo quanh các tuyến đường trên địa bàn TP. V. Khoảng 00 giờ ngày 28/7/2018, khi cả 2 đi đến đoạn đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP. V, K và D phát hiện anh Công Lâm Thanh Q điều khiển xe mô tô đi một mình, K và D điều khiển xe mô tô bám theo đến khu vực trước nhà thờ Nam Đồng thì đuổi kịp anh Q, D ngồi phía sau dùng chiếc búa đánh vào đầu anh Q và dùng chân đạp vào xe khiến anh Q bị ngã. Anh Q bỏ xe chạy bộ vào khu vực đường Lưu Chí Hiếu, phường Rạch Dừa, TP. V. Lúc này, D chạy đến lấy xe mô tô hiệu Vaio của anh Q cùng K đuổi theo Q, bắt ép anh Q lên xe mô tô chở đến khu vực vắng người, D cầm búa đe dọa buộc anh Q đưa tài sản, anh Q hoảng sợ nên đưa số tiền 6.200.000đ cùng 01 lắc vàng, 01 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng và 01 chiếc ĐTDĐ Iphone 8 cho K và D. Riêng chiếc xe mô tô của anh Q, K và D không chiếm đoạt nhưng rút chìa khóa xe vứt vào khu vực công trình xây dựng gần đó rồi cả hai lên xe mô tô của mình bỏ trốn, trên đường đi các bị cáo đã vứt bỏ hung khí đã gây án và đến thuê nhà nghỉ tại Phường 11, TP. V, lúc này D thấy chiếc ĐTDĐ của anh Q đang còn bật nguồn và sợ điện thoại có định vị nên đã ném chiếc điện thoại ở khu vực đầm lầy đối diện nhà nghỉ.

Sau đó, D, K chạy xe đến nhà Nguyễn Thành N tại xã B, huyện L, tỉnh

Đồng Nai đưa tài sản cướp được gồm 01 dây chuyền, 01 lắc đeo tay, 01 nhẫn vàng cho N đem đi bán, khi đưa tài sản cho N, D và K nói rõ đó là tài sản cướp được tại V. Sau đó N mang tài sản đi cầm ở tiệm cầm đồ N tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai được 32.000.000đ, N đem về đưa cho D 16.000.000đ, còn N mượn lại 16.000.000đ.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Nouvo biển số 72K5-53XX, D và K cất giấu tại nhà N; sau đó N đưa cho Nguyễn Văn S, địa chỉ: xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai sử dụng và S đã gắn biển số xe giả 86F7-89XX. Qua xác minh chiếc xe của anh Nguyễn Minh Qu do anh Đặng Minh H đứng tên chủ sở hữu dùm và anh Qu đã bán chiếc xe này cho ông Đồng Mỹ P là cha của Đồng Mạnh K. Ông P không biết K sử dụng chiếc xe này đi cướp tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 178/BB-PTCKH ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND TP. V xác định chiếc ĐTDĐ Iphone 8 đã qua sử dụng trị giá 12.500.000đ; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ loại 18K trị giá 12.614.000đ; 01 nhẫn vàng 03 chỉ loại 18K trị giá 7.568.400đ; 01 lắc tay bằng vàng 09 chỉ loại 18K trị giá 22.705.200đ và số tiền 6.200.000đ. Tổng giá trị thiệt hại các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Q là 61.587.600đ.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ từ chị Lê Thị Thu V (chủ tiệm cầm đồ Ngọc Ny): 01 dây chuyền vàng; 01 lắc tay vàng; 01 nhẫn vàng có gắn hột đá hình vuông. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Công Lâm Thanh Q; 01 USB màu đen; Thu giữ từ Nguyễn Văn S 01 xe Nouvo gắn biển số giả 86F7-8986; Thu từ Nguyễn Thành N 01 ĐTDĐ hiệu Sam sung; thu từ Nguyễn Phi S 01 Giấy đăng ký xe biển số 72K5-53XX.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSTPTPV ngày 11/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Ngô Trí D và Đồng Mạnh K về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận tòa bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Anh Công Lâm Thanh Q và bị cáo D, K thỏa thuận các bị cáo bồi thường 01 chiếc ĐTDĐ Iphone 8 giá trị theo định giá là 12.500.000đ và số tiền là 6.200.000đ. D, K mỗi người có N vụ bồi thường 9.350.000đ.

- Chị Lê Thị Thu V và bị cáo N thỏa thuận bị cáo bồi thường cho chị V số tiền 32.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Ngô Trí D và Đồng Mạnh K phạm tội “Cướp tài sản”, Nguyễn Thành N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D từ 07 đến 09 năm tù; Căn cứ điểm d, đ và h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K từ 08 đến 10 năm tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N từ 12 đến 18 tháng tù; Về vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tiêu hủy 01 USB, tịch thu sung công 01 xe mô tô của bị cáo K và 01 chiếc điện thoại của bị cáo N; Về trách nhiệm dân sự: công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa các bị cáo với bị hại và người có Q lợi, N vụ liên quan: bị cáo D, K, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Q 9.350.000đ, bị cáo N bồi thường cho chị V 32.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu và lời khai của bị hại, người có Q lợi, N vụ liên quan, của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 00 giờ ngày 28/7/2018 trên đường Lưu Chí Hiếu gần đoạn đường 30/4 thuộc phường R, TP. V, các bị cáo D, K có hành vi dùng búa bằng sắt cán gỗ đe dọa buộc anh Công Lâm Thanh Q phải đưa tài sản gồm 6.200.000đ; 01 nhẫn vàng; 01 dây chuyền vàng, 01 lắc đeo tay bằng vàng; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 8. Tổng giá trị tài sản D và K đã chiếm đoạt của anh Q là 61.587.600đ. Sau đó, D và K tìm đến nhà của Nguyễn Thành N tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, D, K đưa N 01 nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc đeo tay bằng vàng và nói đã cướp được ở Vũng Tàu nhờ N bán dùm, N đồng ý và mang đến tiệm cầm đồ Ngọc Ni cầm cho chị Lê Thị Thu V được 32.000.000đ, chị V không biết tài sản mà N cầm là do phạm tội mà có.

Hành vi của bị cáo D, K dùng xe mô tô và búa, dao được xác định là thủ đoạn và hung khí nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản, riêng K năm 2009 bị xử phạt 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần vi phạm này được xác định là tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Ngô Trí D phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Đồng Mạnh K phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ và h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; hành vi của Nguyễn Thành N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo D, K là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến Q sở hữu tài sản mà còn gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân

dân. Trong vụ án này, bị cáo D, K phạm tội có tổ chức nhưng giản đơn, D là người chủ động, khởi xướng rủ và trực tiếp uy hiếp buộc bị hại phải giao tài sản nên phải chịu trách nhiệm chính, còn K là người khi được rủ thì tham gia tích cực, dùng xe chở D cùng thực hiện tội phạm nên cũng phải chịu trách nhiệm với vai trò của mình; Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, tuy biết tài sản do D, K cướp được của người khác đã không tố giác mà còn tích cực mang đi tiêu thụ nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Do đó cần phải xử phạt thật nghiêm các bị cáo phù hợp với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Bản thân các bị cáo có nhân thân rất xấu, bị cáo D năm 2008 bị xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” mới được xóa án tích, bị cáo K đang có tiền án về tội “Cướp tài sản” nên phải chịu thêm tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, còn bị cáo N cũng đang có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo D có cha là người tham gia cách mạng được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì nên căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 đối với K, N và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với D để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 USB màu đen là vật chứng trong vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 xe mô tô và giấy đăng ký xe biển kiểm soát 72K5-53XX, bị cáo K khai là của cha bị cáo Đồng Mỹ P cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo không chứng minh được ông P đã cho bị cáo. Theo lời khai của ông P có trong hồ sơ, ông P đều khai xe của ông mua lại của người khác, việc K sử dụng phạm tội ông không biết và xin được nhận lại xe. Như vậy, có cơ sở xác định chiếc xe là của ông Đồng Mỹ P nên giao trả cho ông P.

- 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung thu của Nguyễn Thành N, N khai mua từ số tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- 01 biển số xe giả 86F7-8986 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với bị hại, người có Q lợi và N vụ liên quan:

- Bị cáo D, K có N vụ bồi thường cho anh Q giá trị chiếc điện thoại Iphone 8 là 12.500.000đ và số tiền 6.200.000đ. Tổng cộng 18.700.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường 9.350.000đ.

- Bị cáo N có N vụ bồi thường cho chị Lê Thị Thu V số tiền 32.000.000đ.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều khoản và mức hình phạt áp dụng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường: bị cáo D, K mỗi bị cáo là $9.350.000đ \times 5\% = 467.500đ$, bị cáo N là $32.000.000đ \times 5\% = 1.600.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Trí D, Đồng Mạnh K phạm tội “Cướp tài sản” và Nguyễn Thành N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Ngô Trí D 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 24/9/2018.

- Căn cứ điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Đồng Mạnh K 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 24/9/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Thành N 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 27/9/2018.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB màu đen.

- Giao trả cho ông Đồng Mỹ P 01 xe mô tô và 01 giấy tờ xe biển kiểm soát 72K5-5344.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe giả 86F7-8986.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố V đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 71/BB.THA ngày 14/01/2019).

3. Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với bị hại, người có Q lợi và N vụ liên quan:

- Bị cáo Ngô Trí D và Đồng Mạnh K, mỗi bị cáo có N vụ bồi thường cho anh Công Lâm Thanh Q số tiền 9.350.000đ (Chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thành N có N vụ bồi thường cho chị Lê Thị Thu V số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều

468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Các bị cáo Ngô Trí D, Đồng Mạnh K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 467.500đ (Bốn trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thành N phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có Q lợi và N vụ liên quan được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-TP. V;
- VKSND tỉnh BR-TP. V;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-TP. V;
- VKSND TP. V;
- Công an TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG TRÍ THỨC